| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU**<br>**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2017/HN-ST
Ngày 31-7-2017
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**
**TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thục Anh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Đắc Liệt;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Lan Hương, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31-7-2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 308/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐSTXX- HNGĐ ngày 28-6-2017 và thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn :* Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1977, HKTT đường BG, phường NAN, thành phố VT, địa chỉ liên hệ đường TN mới, phường T, thành phố VT, tỉnh BR.VT(Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình M, sinh năm 1972, HKTT đường BG, phường NAN, thành phố VT, địa chỉ liên hệ đường TN mới, phường T, thành phố VT, tỉnh BR.VT (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 13 tháng 03 năm 2017, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy Tr trình bày*: Bà và

ông Trần Đình M có thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, năm 1996 tổ chức đám cưới, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố VT

Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc từ năm 2010 cho đến nay vợ chồng bà mâu thuẫn, mâu thuẫn cũng được vợ chồng cùng gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả , nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có những lúc xảy ra xô xát làm cho cuộc sống vợ chồng bà càng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng bà vẫn sống trong một nhà nhưng đã ly thân. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông M, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Tr có đơn khởi kiện ông M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình M.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên Trần Thị Phương A1 sinh ngày 24/9/1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Trần Thu A2 sinh ngày 29/02/2004; Trần Kim A3 sinh ngày 19/11/2014 bà Tr yêu cầu trực tiếp nuôi 02 cháu, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không tham gia phiên tòa.

*3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm.*

*3.1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật TTDS năm 2015.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký, đã thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật TTDS năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật TTDS năm 2015. Bị đơn không hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật TTDS năm 2015.

*3.2. Nội dung vụ án:* Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật vợ chồng mâu thuẫn là có thật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

Về con chung: Tính tới thời điểm hiện tại cháu Kim A3 dưới 36 tháng tuổi, cháu Thu A2 có nguyện vọng ở với bà Tr. Đề nghị giao quyền trực tiếp nuôi con cho bà Tr.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Thùy Tr và ông Trần Đình M chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Bà Tr có đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông M. Ông Muôn cư trú, sinh sống tại thành phố VT. Do đó, xác định đây là vụ án hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy Tr và Trần Đình M chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ chức đám cưới, đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn.

[2.2]. Về con chung: Bà Tr ông M có 03 con chung tên là Trần Thị Phương A1, sinh ngày 24/9/1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Trần Thu A2 sinh ngày 29/02/2004; Trần Kim A3 sinh ngày 19/11/2014.

Bà Tr đề nghị trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng cháu Phương A2 ở với bà Tr, cháu Thu A3 dưới 36 tháng tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu.

[2.1]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu.

[3]. Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà Tr ông M hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Thời gian đầu, vợ chồng bà sống chung hạnh phúc. Năm 2010, phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cũng đã được hai bên bàn bạc hòa giải nhưng không có kết quả làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng bà đã ly thân.

Để xác định tình trạng hôn nhân của bà Tr ông M Tòa tiến hành xác minh thì được biết: Vợ chồng bà Tr thường xảy ra cãi vã và thỉnh thoảng ông M đánh bà Tr, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ năm 2015 cho đến nay, sự việc cũng đã được tổ dân phố khuyên giải nhưng không cải thiện. Xác minh của Tòa án phù hợp với lời khai của bà Tr về tình trạng hôn nhân.

Xét thấy: Vợ chồng bà Tr ông M mâu thuẫn trong một thời gian dài, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Tr là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Tr: Theo quy định pháp luật sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có quyền và nghĩa vụ chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên.

Cháu Thu A2 có nguyện vọng ở với bà Tr, cháu Kim A3 hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, yêu cầu của bà Tr có căn cứ chấp nhận được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu có căn cứ .

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 2, 3 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điểu 58; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy Tr.

[1].Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy Tr ly hôn với ông Trần Đình M.

[2].Về con chung: Giao cháu Trần Thu A2 sinh ngày 29/02/2004; cháu Trần Kim A3 sinh ngày 19/11/2014 cho bà Trần Thị Thùy Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục. Ông Trần Đình M được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3].Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4].Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5].Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy Tr phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005776 ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu, bà Tr đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thục Anh**